



**Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư
BIDV-Vietnam Partners**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thông tin về Công ty

Giấy phép thành lập và hoạt động số

01/GP-QLĐT
74/UBCK-GP

ngày 6 tháng 1 năm 2006
ngày 9 tháng 8 năm 2010

Giấy phép thành lập và hoạt động do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong 50 năm. Giấy phép thành lập và hoạt động được sửa đổi một lần trong Giấy phép thành lập và hoạt động số 74/UBCK-GP ngày 9 tháng 8 năm 2010.

Hội đồng Quản trị

Ông James W. Lewis
Ông Ngô Văn Dũng
Ông Lê Đào Nguyên
Ông Bradley C. LaLonde
Ông Nguyễn Đình Dương
Bà Võ Bích Hà
Ông John Alkire

Chủ tịch
Phó Chủ tịch (từ ngày 1/2/2016)
Phó Chủ tịch (đến ngày 1/2/2016)
Thành viên
Thành viên (từ ngày 20/10/2015)
Thành viên (đến ngày 20/10/2015)
Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV – Vietnam Partners (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 24 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc. 

Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

**KPMG Limited**

48th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E8, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone: +84 (4) 3946 1600
Fax: +84 (4) 3946 1601
Internet: www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 24.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của các Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-080/3



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B01 – CTQ

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		58.461.770	52.761.717
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.639.233	33.194.924
1. Tiền	111		639.233	1.194.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000	32.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	17.163.500	18.416.250
1. Đầu tư ngắn hạn	121		17.163.500	18.416.250
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	555.482	926.988
5. Các khoản phải thu khác	135		555.482	926.988
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	8	103.555	223.555
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		103.555	223.555
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		396.111	657.903
II. Tài sản cố định	220	9	10.253	41.015
1. Tài sản cố định hữu hình	221		10.253	41.015
<i>Nguyên giá</i>	222		1.254.165	1.254.165
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.243.912)	(1.213.150)
IV. Tài sản dài hạn khác	260	10	385.858	616.888
3. Tài sản dài hạn khác	268		385.858	616.888
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		58.857.881	53.419.620

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		4.460.653	5.271.127
I. Nợ ngắn hạn	310		4.460.653	5.271.127
2. Phải trả người bán	312	11	1.787.283	2.189.912
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	791.325	1.179.132
5. Phải trả người lao động	315		1.882.045	1.613.583
6. Chi phí phải trả	316		-	267.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	21.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.397.228	48.148.493
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	25.000.000	25.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.212.021	559.584
9. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		1.212.021	559.584
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.973.186	22.029.325
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		58.857.881	53.419.620

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

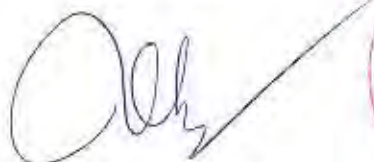
	Mã số	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại	005		
USD		236.131	236.966
EUR		1.270	1.270
JPY		11.000	11.000
SGD		6	2.577
HKD		2.730	7.562

Người lập:



Trần Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra:



Đào Thị Kiều Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:




 Nguyễn Nhân Nghĩa
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B02 – CTQ

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000
1. Doanh thu	01	14	27.711.955	26.478.045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01+02)	10		27.711.955	26.478.045
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	15	(7.928.946)	(7.919.786)
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10+11)	20		19.783.009	18.558.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	2.736.538	2.790.804
7. Chi phí tài chính	22		(71.773)	(56.142)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	(6.006.882)	(7.000.922)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21+22+25)	30		16.440.892	14.291.999
Chi phí khác			-	(80.628)
Lỗ khác			-	(80.628)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.440.892	14.211.371
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	(3.392.157)	(3.019.691)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50+51)	60		13.048.735	11.191.680

Người lập:



Trần Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra:



Đào Thị Kiều Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

	Mã số	2015 VND'000	2014 VND'000
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01	27.456.955	26.260.365
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.489.383)	(4.988.219)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.854.156)	(2.849.383)
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.221.985)	(8.483.039)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.891.431	9.939.724
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.852.878	3.045.054
8. Tiền thu khác trong năm – thuần		1.500.000	7.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.352.878	10.045.054
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
6. Phân chia lợi nhuận cho các nhà đầu tư	36	(6.800.000)	(4.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.800.000)	(4.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.444.309	15.784.778
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	33.194.924	17.410.146
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	70	40.639.233	33.194.924

Người lập:



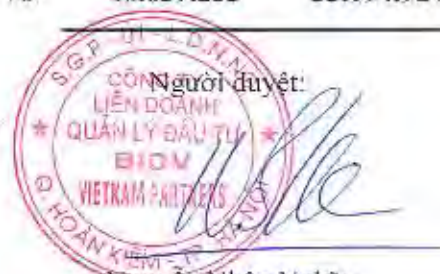
Trần Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra:



Đào Thị Kiều Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B05 - CTQ

	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm		Số dư cuối năm			
	1/1/2014	1/1/2015	2014	2015	31/12/2014	31/12/2015		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND*000	VND*000	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND*000	VND*000
Quỹ dự phòng tài chính	25.000.000	25.000.000	-	-	652.437	-	25.000.000	25.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	559.584	559.584	-	652.437	-	559.584	1.212.021
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.156.813	22.029.325	11.191.680	(5.319.168)	13.048.735	(8.104.874)	22.029.325	26.973.186
	41.156.813	48.148.493	12.310.848	(5.319.168)	14.353.609	(8.104.874)	48.148.493	54.397.228

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thu Hằng
Kế toán

Đào Thị Kiều Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners (“Công ty”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam. Các bên liên doanh của Công ty gồm có Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (được thành lập tại Việt Nam) và Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Việt Nam Partners (được thành lập tại British Virgin Islands) với tỷ lệ góp vốn là 50% của mỗi bên. Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư tại Việt Nam và nước ngoài để thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam; nhận các quỹ ủy thác đầu tư và quản lý các danh mục đầu tư; và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp trong lĩnh vực tái cơ cấu tài chính, sáp nhập và mua lại, hợp nhất và phân tách các công ty.

Trong năm, Công ty thực hiện việc quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam 1 (VIF1). Quỹ này được thành lập theo giấy phép số 03/UBCK-TLQTV do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 13 tháng 3 năm 2006.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 12 nhân viên (31/12/2014: 12 nhân viên), trong đó 7 nhân viên sau đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ:

Tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	000645	25/6/2010
Ông Lê Xuân Đồng	000822	26/3/2012
Bà Đỗ Lan Hương	000636	25/6/2010
Bà Hồ Thu Lê	000639	25/6/2010
Ông Vũ Ngọc Anh	001124	10/7/2014
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	001126	10/7/2014
Bà Vũ Thị Thủy Dương	001133	29/8/2014

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Do đó, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập vào trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được làm tròn đến hàng nghìn ("VND`000").

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Tuy nhiên, ảnh hưởng của Thông tư 200 đến các chính sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty là không đáng kể.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| • dụng cụ văn phòng | 3 - 5 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 7 năm |

(e) Các khoản phải trả và chi phí trả trước

Các khoản phải trả và chi phí trả trước được phản ánh theo nguyên giá.

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(g) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Đại hội cổ đông. Mức trích lập hàng năm do Hội đồng quản trị quyết định theo Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại trong vốn chủ sở hữu.

(h) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp băng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(i) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Phí quản lý

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được một cách đáng tin cậy.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(j) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Thông tư 125 được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(k) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(l) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	31/12/2014
	VND'000	VND'000
Tiền mặt	159,749	241,259
Tiền gửi ngân hàng	479,484	953,665
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng	40.000.000	32.000.000
	<hr/>	<hr/>
	40.639.233	33.194.924

Các khoản tương đương tiền có kỳ hạn ba tháng tại một ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 4,8% đến 5%/năm (31/12/2014: kỳ hạn ba tháng, lãi suất từ 5% đến 5,5%/năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn sáu tháng. Lãi suất năm tại ngày cuối năm của các khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ là 0,25%/năm (31/12/2014: 0,25%) và bằng Đồng Việt Nam từ 5,15% đến 5,5%/năm (31/12/2014: từ 5% đến 7,5%/năm).

7. Các khoản phải thu khác

Đây là các khoản lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Tạm ứng cho nhân viên	10.000	130.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	93.555	93.555
	<hr/> 103.555	<hr/> 223.555

9. Tài sản cố định hữu hình

<i>Năm kết thúc 31/12/2015</i>	Dụng cụ văn phòng VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối năm	429.433	824.732	1.254.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	388.418	824.732	1.213.150
Khấu hao trong năm	30.762	-	30.762
Số dư cuối kỳ	419.180	824.732	1.243.912
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	41.015	-	41.015
Số dư cuối năm	10.253	-	10.253

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 1.162 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 1.162 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Năm kết thúc 31/12/2014

	Dụng cụ văn phòng VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối năm	429.433	824.732	1.254.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	357.657	824.732	1.182.389
Khấu hao trong năm	30.761	-	30.761
Số dư cuối năm	388.418	824.732	1.213.150
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	71.776	-	71.776
Số dư cuối năm	41.015	-	41.015

10. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Đặt cọc thuê văn phòng	375.858	606.888
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	10.000	10.000
	<u>385.858</u>	<u>616.888</u>

11. Phải trả người bán

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Phải trả cho nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Việt Nam II – DaidoLife	1.666.883	1.587.066
Phải trả phí kiểm toán, tư vấn	112.200	461.550
Phải trả khác	8.200	141.296
	<u>1.787.283</u>	<u>2.189.912</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	242.213	704.212
Thuế thu nhập cá nhân	474.840	375.760
Thuế nhà thầu	74.272	99.160
	<u>791.325</u>	<u>1.179.132</u>

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

Năm kết thúc 31/12/2015

	1/1/2015 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	31/12/2015 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	704.212	3.392.157	(3.854.156)	242.213
Thuế thu nhập cá nhân	375.760	718.768	(619.688)	474.840
Thuế nhà thầu	99.160	197.634	(222.522)	74.272
	<u>1.179.132</u>	<u>4.308.559</u>	<u>(4.696.366)</u>	<u>791.325</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

Năm kết thúc 31/12/2014

	1/1/2014	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2014
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	533.904	3.019.691	(2.849.383)	704.212
Thuế thu nhập cá nhân	388.617	645.181	(658.038)	375.760
Thuế nhà thầu	45.866	192.314	(139.020)	99.160
	968.387	3.857.186	(3.646.441)	1.179.132

13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND'000	Tỷ lệ	VND'000	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.500.000	50%	12.500.000	50%
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Việt Nam Partners	12.500.000	50%	12.500.000	50%
	25.000.000	100%	25.000.000	100%

14. Doanh thu

	2015 VND'000	2014 VND'000
Phí quản lý quỹ	27.456.955	26.260.365
Doanh thu khác	255.000	217.680
	27.711.955	26.478.045

15. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND'000	2014 VND'000
Chi phí lương, phụ cấp	7.523.964	7.514.805
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.762	30.761
Các chi phí hoạt động khác	374.220	374.220
	7.928.946	7.919.786

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND'000	2014 VND'000
Thu nhập lãi tiền gửi	2,481.371	2,722.188
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	255.167	68.616
	2.736.538	2.790.804

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND'000	2014 VND'000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.350.945	3.087.962
Chi phí thuê văn phòng	1.626.354	1.800.395
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.327	151.700
Chi phí khác	2.014.256	1.960.865
	6.006.882	7.000.922

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND'000	2014 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.392.157	3.019.691

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	16.440.892	14.211.371
Thuế tính theo thuế suất của Công ty (20%)	3.288.179	2.842.274
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	49.627	55.816
Chi phí không được khấu trừ thuế	54.351	121.601
	3.392.157	3.019.691

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định tại Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2006, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm đầu hoạt động (2006 – 2007), giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo (2008 – 2010) và được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh (2006 – 2015). Những năm tiếp theo tính từ năm 2016, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Tất cả các mức miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác, mà thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất theo quy định. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

19. Phân chia lợi nhuận

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/BVTM/HĐQT ngày 13 tháng 2 năm 2015, Công ty đã trả cổ tức năm 2014 với tổng số tiền là 6,8 tỷ VND cho hai nhà đầu tư là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Vietnam Partners với số tiền tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và các số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Giá trị giao dịch		Số dư	
	2015 VND'000	2014 VND'000	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
Tiền gửi ngắn hạn	180.327.000	115.897.500	57.642.984	51.369.915
Lãi tiền gửi	2.852.878	3.045.054	555.482	926.988
Công ty Liên doanh Tháp Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
Tiền thuê văn phòng	1.626.354	1.800.395	385.858	606.888
Quỹ Đầu tư Việt Nam				
Phí quản lý	27.456.955	26.260.365	-	-
Phải trả khác	-	-	-	21.500
Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị				
Lương và thù lao	1.933.423	1.833.443	-	249.519
Thành viên độc lập trong Hội đồng Quản trị				
Chi phí tư vấn	1.221.675	1.176.523	-	267.000

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

21. Các hoạt động quản lý quỹ

	2015	2014
Số quỹ do Công ty quản lý	1	1
Phi thu được trong năm (VND'000)	27.456.955	26.260.365
- Phí quản lý quỹ (VND'000)	27.456.955	26.260.365
	31/12/2015	31/12/2014
	VND'000	VND'000
Số vốn của các quỹ do Công ty quản lý		
- Quỹ Đầu tư Việt Nam	648.264.947	1.255.404.947

22. Các chỉ tiêu đánh giá

	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2014
Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0,67%	1,23%
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	0,02%	0,08%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	99,33%	98,77%
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	47,09%	42,27%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,99%	23,24%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	22,17%	20,95%
Các chỉ tiêu tài chính khác			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	7,58%	9,87%
Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	12,96	9,79
Tài sản cố định/Vốn chủ sở hữu	%	0,02%	0,09%
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	13,11	10,01
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	9,11	6,30

23. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản, và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Tiền gửi ngân hàng	57.642.984	51.369.915
Các khoản phải thu khác – lãi tiền gửi ngân hàng	555.482	926.988
	<hr/>	<hr/>
	58.198.466	52.296.903

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại một tổ chức tín dụng có danh tiếng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi số VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 năm VND'000
Phải trả người bán	1.787.283	1.787.283	1.787.283
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải trả người bán	2.189.912	2.189.912	2.189.912
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21.500	21.500	21.500
	2.211.412	2.211.412	2.211.412

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Rủi ro hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch gửi tiền ngắn hạn, thanh toán chi phí và nhận nợ phải trả bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ. Ảnh hưởng của các giao dịch bằng ngoại tệ khác USD là không đáng kể.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

Công ty có số ngoại tệ chịu rủi ro tiền tệ như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	Nguyên tệ USD	Nguyên tệ USD
	(VND'000	(VND'000
	tương đương)	tương đương)
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	137.641	148.899
Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng)	5.163.500	4.916.250
Các khoản phải thu khác – lãi tiền gửi ngân hàng	1.372	-
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	(1.666.883)	(1.587.066)
	3.635.630	3.478.083

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
1 USD	22.450	21.375

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với vốn chủ sở hữu (“VCSH”) và lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm;

	Ảnh hưởng đối với VCSH
	và lợi nhuận thuần
	VND'000
31/12/2015	
USD (mạnh thêm 1%)	29.085
31/12/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	27.824

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần của Công ty.

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV-Vietnam Partners
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	479.484	953.665
Các khoản tương đương tiền	40.000.000	32.000.000
Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng)	17.163.500	18.416.250

Do các công cụ tài chính có lãi suất cố định và được hạch toán theo nguyên giá nên sự thay đổi của lãi suất thị trường không có tác động tới lãi/lỗ của Công ty.

24. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2016/BVIM/HĐQT ngày 4 tháng 2 năm 2016, Công ty đã quyết định mức trả cổ tức năm 2015 là 7 tỷ VND cho hai nhà đầu tư là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Vietnam Partners với số tiền tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Cổ tức đã được trả trong tháng 2 năm 2016.

Người lập:



Trần Thu Hằng
Kế toán

Người kiểm tra:



Đào Thị Kiều Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Nhân Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016